CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Ngày 31/12/2025	38,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.6%	**-5.5%**	**20.1%**

DT thuần
Q4/25
37.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.60| -4.0%
YoY: ▲ 1.80| 5.2%

LN thuần
Q4/25
15.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.90| -34.3%
YoY: ▲ 3.10| 25.4%

LN sau thuế
Q4/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.60| -41.8%
YoY: ▲ 1.90| 18.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
79.1%
YoY: +/-▲ 16.4%

ROE
2025
11.5%
YoY: +/-▲ 2.0%

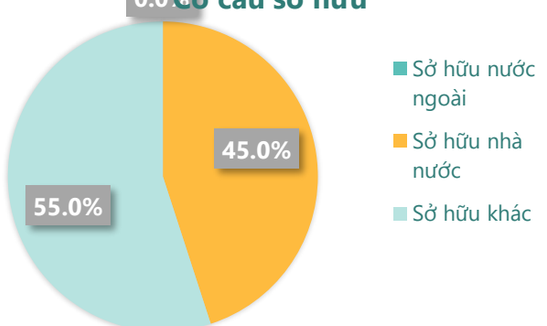
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,000 - 43,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,842
Số lượng CPLH (CP)	74,797,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	581,425
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.33
EPS	1,339
P/E	28.4

DT thuần
2025
139
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00| -3.3%

LN thuần
2025
110
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.8| 22.0%

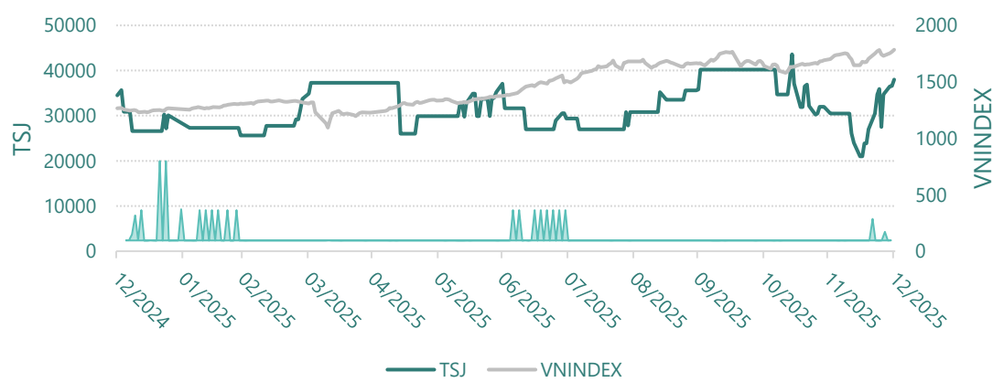
LN sau thuế
2025
100
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.3| 22.6%

Cơ cấu sở hữu

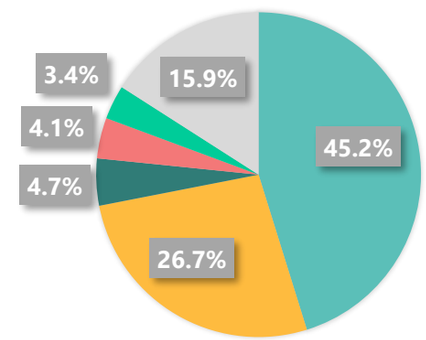


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

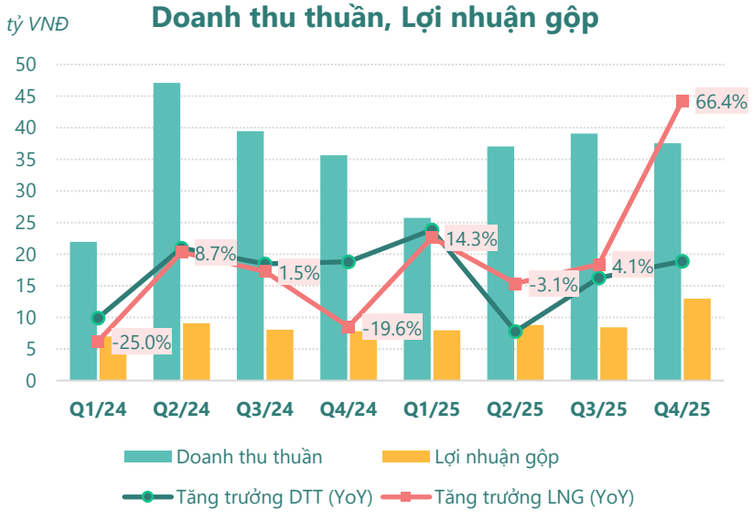


- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
- CTCP Phát triển TN
- CTCP Du Lịch Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh
- CTCP Chứng khoán Asean
- Lưu Thị Tuyết Mai
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

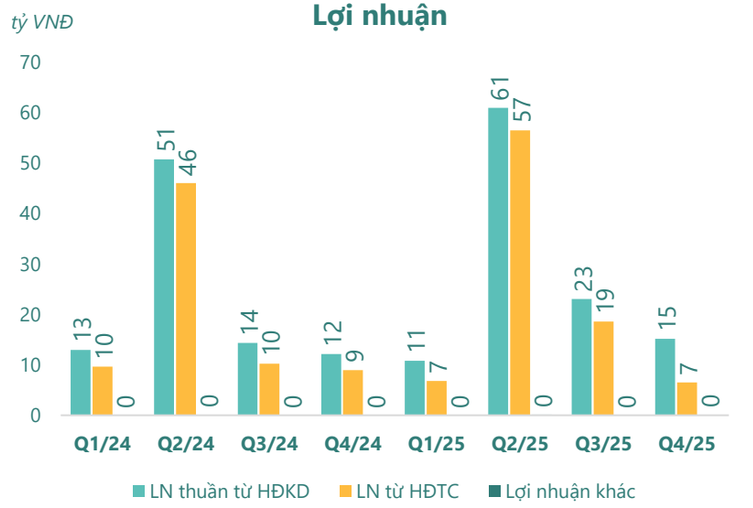
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



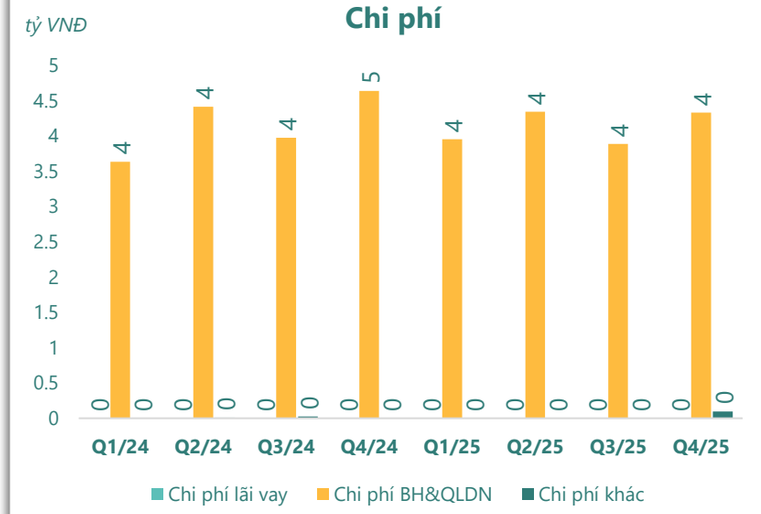
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



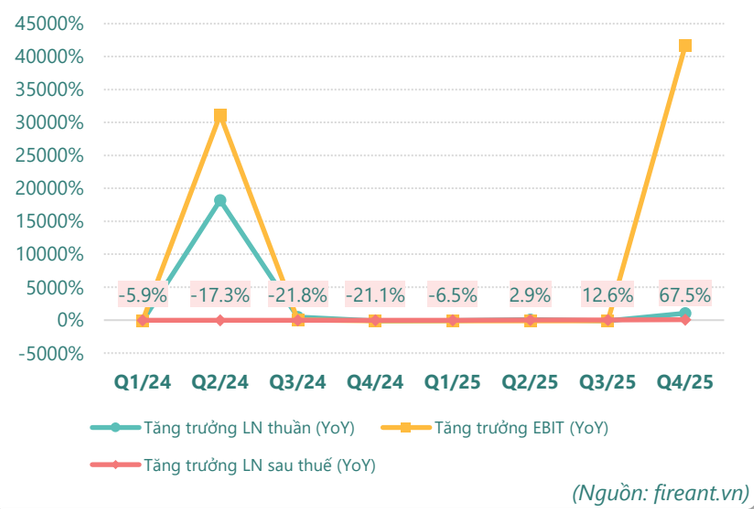
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



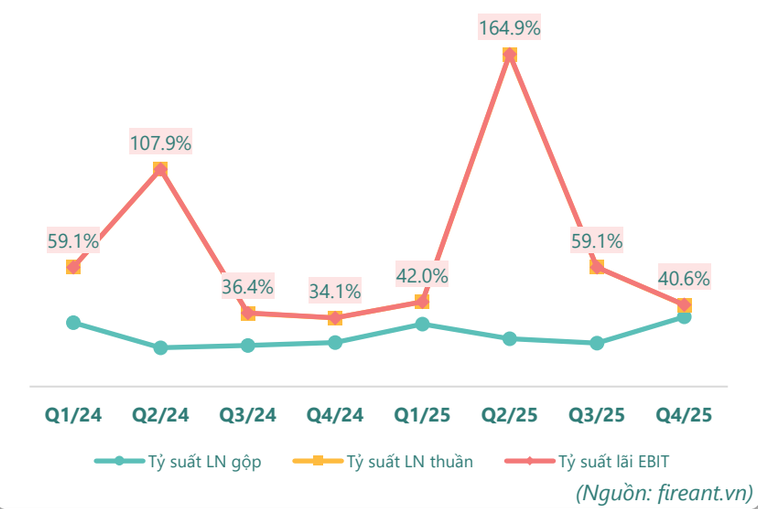
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



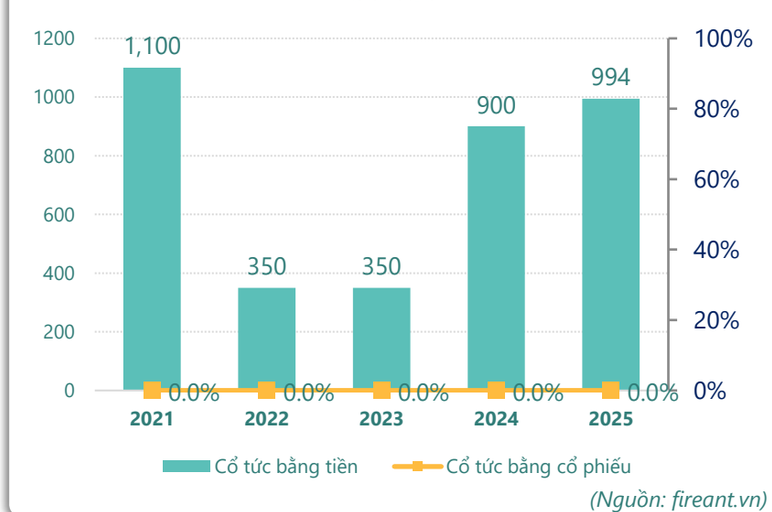
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

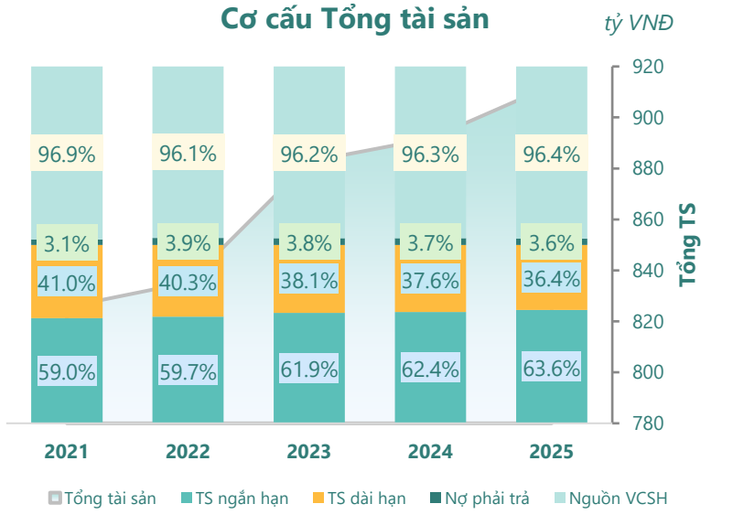
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

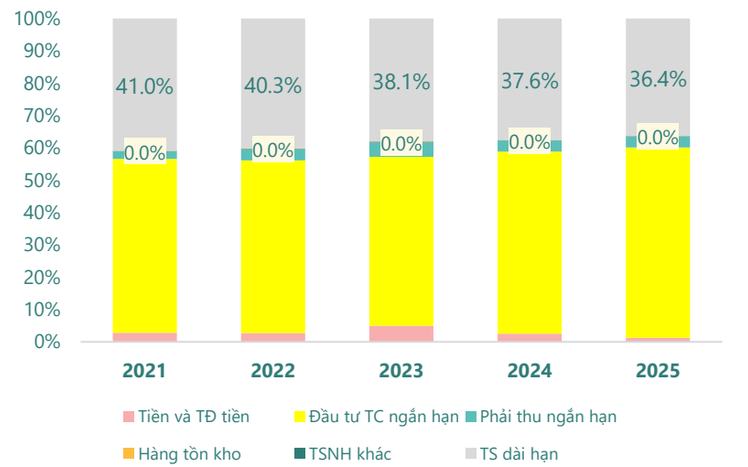
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



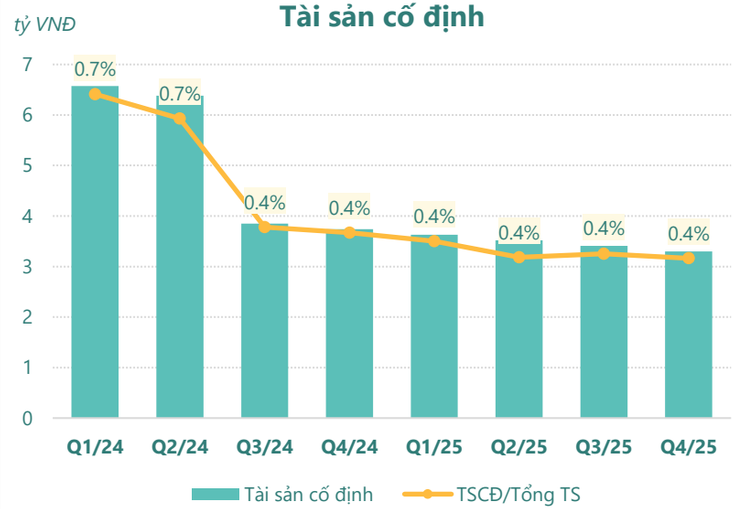
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



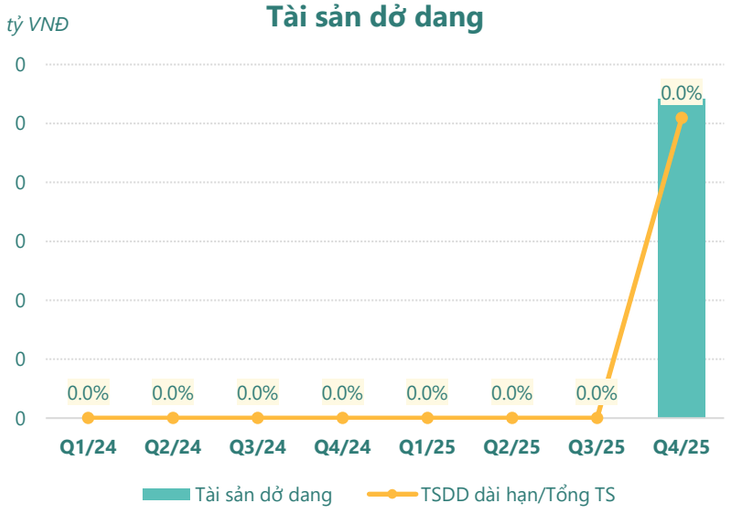
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



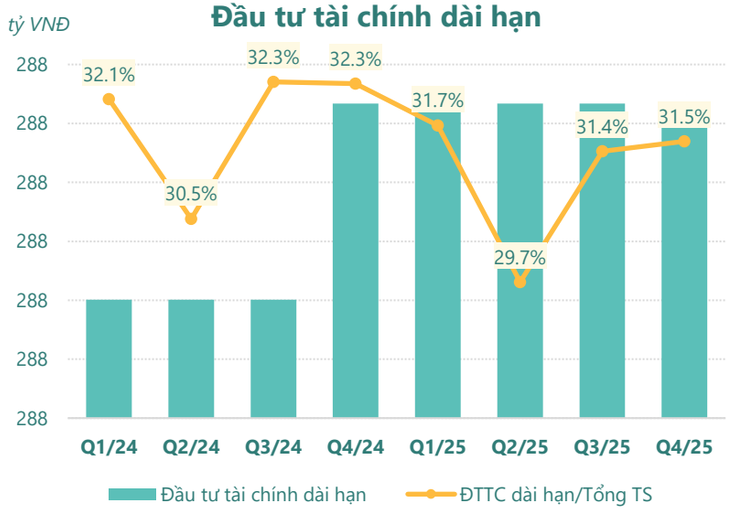
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



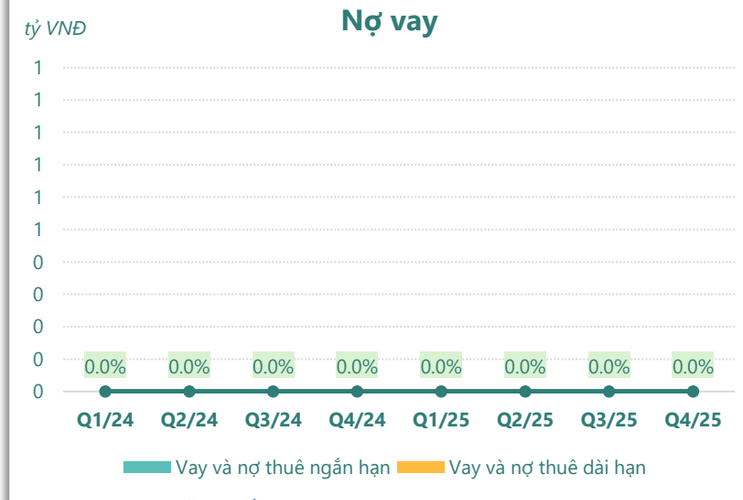
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

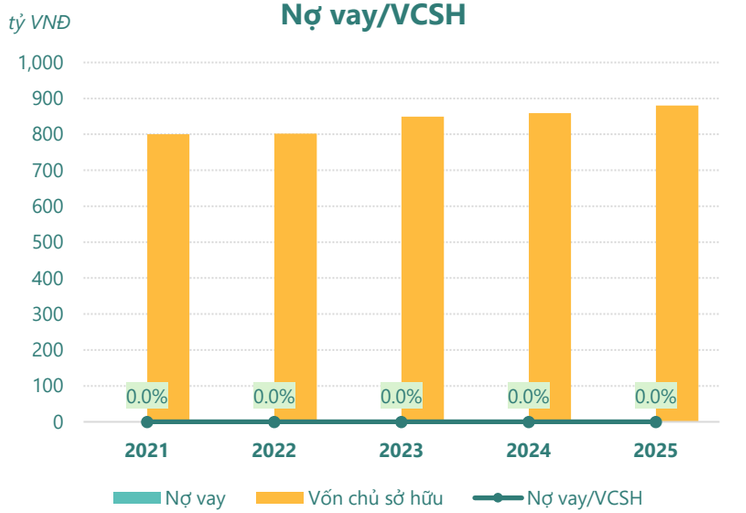
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

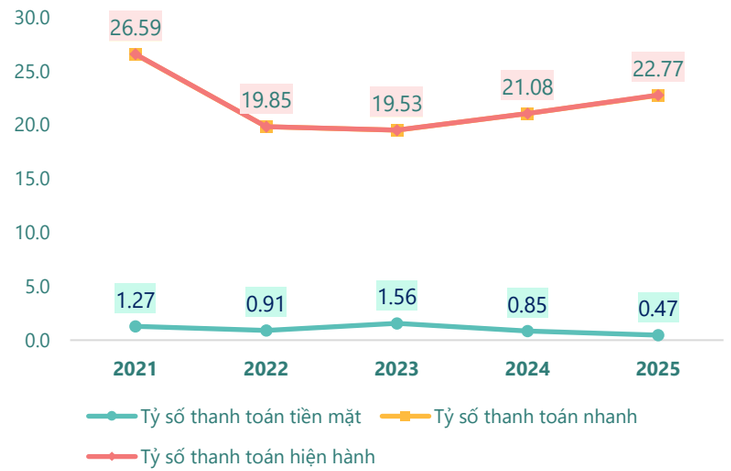
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



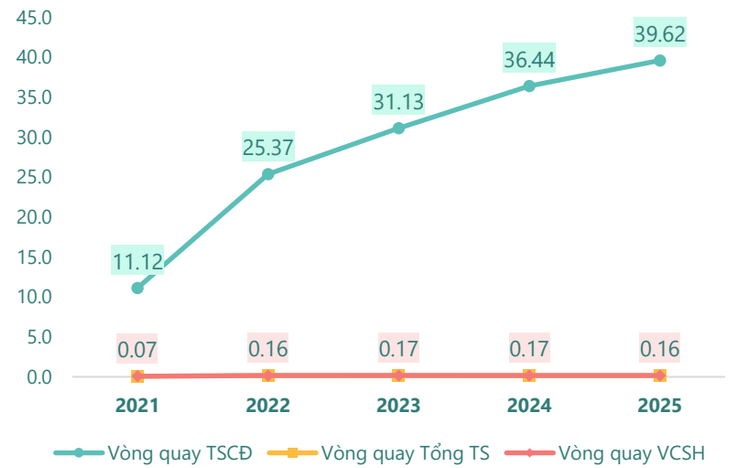
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



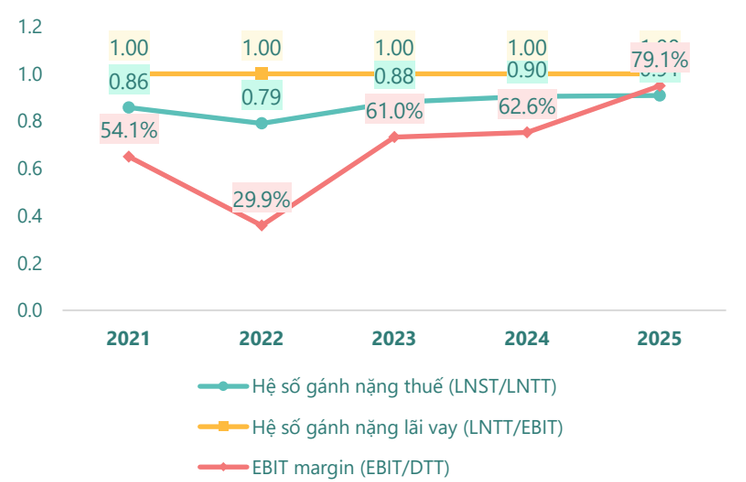
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



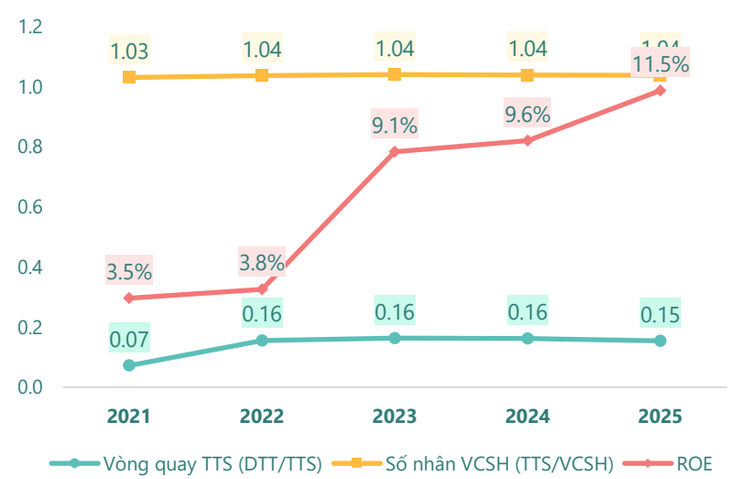
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



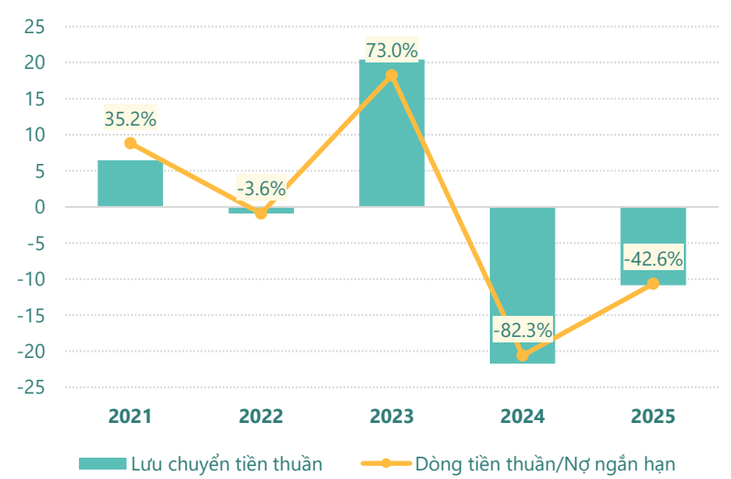
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.5**	**35.7**	**5.2%**	**139**	**144**	**-3.3%**
Giá vốn hàng bán	24.6	27.9	-11.9%	101	112	-9.8%
Lợi nhuận gộp	13.0	7.80	66.3%	38.1	31.9	19.5%
Doanh thu HĐTC	6.96	8.92	-21.9%	88.9	74.9	18.6%
Chi phí TC	0.43	-0.06	809%	0.43	-0.06	770%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.81	2.08	-12.8%	6.80	7.27	-6.5%
Chi phí QLDN	**2.52**	**2.56**	**-1.6%**	**9.72**	**9.40**	**3.5%**
LN thuần từ HĐKD	15.2	12.1	25.4%	110	90.2	22.0%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.01**	**666%**	**0.19**	**0.11**	**69.2%**
LN trước thuế	15.3	12.2	25.0%	110	90.3	22.0%
Lợi nhuận sau thuế	**12.1**	**10.2**	**18.1%**	**100**	**81.7**	**22.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.1**	**10.2**	**18.1%**	**100**	**81.7**	**22.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.42	-5.47	5.26	3.15	6.63	-3.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.79	-5.21	-4.52	25.7	28.3	2.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-67.0	-0.36	0.01	-0.01	-74.3	-0.02
Tiền đầu kỳ	90.3	33.2	22.5	23.3	52.3	13.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-56.8**	**-11.0**	**0.75**	**28.8**	**-39.4**	**-1.06**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.33	0.29	0.05	0.15	0.07	-0.03
Tiền cuối kỳ	33.2	22.5	23.3	52.3	13.0	11.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**913**	**892**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	581	556	4.4%
Tiền và tương đương tiền	11.9	22.5	-47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	537	502	6.9%
Phải thu ngắn hạn	31.1	30.6	1.5%
Hàng tồn kho	0.32	0.36	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.49	-39.4%
Tài sản dài hạn	**332**	**336**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	1.50	1.50	0.0%
Tài sản cố định	3.30	3.74	-11.7%
Bất động sản đầu tư	37.2	39.9	-6.7%
Tài sản dở dang	0.27	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	288	288	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.09**	**2.77**	**-24.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.8	32.9	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**25.5**	**26.4**	**-3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.84	0.34	145%
Nợ dài hạn	7.29	6.50	12.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**880**	**859**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**880**	**859**	**2.4%**
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)